

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5210/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại Tờ trình số 950/TTr- SGTVT ngày 9/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 54 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 51 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ, 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính hoạt động xây dựng, 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 52 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 49 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ, 02 quy trình nội bộ

giải quyết thủ tục hành chính hoạt động xây dựng, 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ: Từ QT.05-09.2020 đến QT.07-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; từ QT.02-05.2021 đến QT.06-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; QT.01-02.2023, QT.02-02.2023, QT.18-02.2023, QT.19-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; QT.01-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; từ QT-19 đến QT-22, từ QT-25 đến QT-27, từ QT-52 đến QT-60 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; từ QT-01 đến QT-05, từ QT-07 đến QT-18 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; từ QT-01 đến QT-04, QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Minh Hải

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI***(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024**của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ	
1.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	QT-01
2.	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	QT-02
3.	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động	QT-03
4.	Cấp mới Giấy phép lái xe	QT-04
5.	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-05
6.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-06
7.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	QT-07
8.	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	QT-08
9.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	QT-09
10.	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	QT-10
11.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	QT-11
12.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	QT-12
13.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	QT-13
14.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	QT-14

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
15.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	QT-15
16.	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	QT-16
17.	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-17
18.	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	QT-18
19.	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	QT-19
20.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	QT-20
21.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	QT-21
22.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-22
23.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-23
24.	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-24
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	QT-25
26.	Cấp Giấy phép xe tập lái	QT-26
27.	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	QT-27
28.	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	QT-28
29.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	QT-29
30.	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	QT-30
31.	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	QT-31
32.	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	QT-32

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
33.	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	QT-33
34.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	QT-34
35.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	QT-35
36.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	QT-36
37.	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	QT-37
38.	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	QT-38
39.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	QT-39
40.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	QT-40
41.	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	QT-41
42.	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	QT-42
43.	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	QT-43

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
44.	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	QT-44
45.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	QT-45
46.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	QT-46
47.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	QT-47
48.	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-48
49.	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-49
50.	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-50
51.	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	QT-51
II	HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT-52
2	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	QT-53
III	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	QT-54

Phụ lục 2**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**1. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe quốc tế (QT-01)**

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ

	phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách	Thời	Biểu mẫu/Kết quả

		nhiệm	gian	
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP, có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		thông vận tải Hà Nội		
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng			

	phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 giờ	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT

B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế. 3. Giấy phép lái xe quốc tế.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independent - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL
DRIVING PERMIT**

Ảnh màu
photograph
3 x 4 cm

Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.).....cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.....
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):..... hoặc
Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.): ...

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving
permit):.....

....., date..... month..... year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ tên)**(Signature and Full name)*

2. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế (QT-02)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe quốc tế.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân bị mất hoặc hư hỏng Giấy phép lái xe quốc tế có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng GPLX quốc tế; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành

	chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép lái xe quốc tế theo mẫu;	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp, hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài) để thực hiện kiểm	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	tra tính chính xác, hợp pháp của việc cấp IDP, có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định			
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B7	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến

	lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.			
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 giờ	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT

B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục I, Thông tư 29/2015/TT-BGTVT
B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế. 3. Giấy phép lái xe quốc tế.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL
DRIVING PERMIT

Ảnh màu
photograph
3 x 4 cm

Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.).....bắt ngày (Issuing date): ngày (date):.....
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit):.....

....., date..... month..... year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)

3. Quy trình Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động (QT-03).

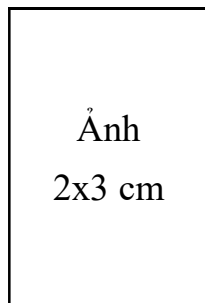
1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp cơ sở đào tạo không còn hoạt động.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp cơ sở đào tạo không còn hoạt động. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 06/2011/TT - BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Thông tư Liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Liên Bộ Tài chính - Giao thông vận tải Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; 4. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;	X		
	- 03 ảnh màu cỡ 2 x3, chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	2,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	30.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Chứng chỉ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký chứng chỉ; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào chứng chỉ)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7, Thông tư 06/2011/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B8	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục 7 Thông tư 06/2011/TT-BGTVT.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Chứng chỉ. 3. Mẫu Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.			

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cấp

Số Chứng chỉ:..... cấp ngày..... tháng năm

Lý do xin đổi, cấp lại:

Đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

4. Quy trình Cấp mới Giấy phép lái xe (QT-04)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp mới giấy phép lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp mới giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Bổ sung, sửa đổi Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 6. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		

	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
	- <i>Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:</i>		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.	X	
	* Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;	X	
	+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);		X
	+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe	X	

	an toàn theo mẫu.		
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	* Thời gian cấp Giấy phép lái xe: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe. * Đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 4: Cá nhân đạt kết quả sát hạch có nhu cầu nhận Giấy phép lái xe tại nhà: Trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, thực hiện đăng ký qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Người học lái xe nộp hồ sơ, nhận kết quả tại cơ sở đào tạo lái xe. - Cơ sở đào tạo lái xe nộp hồ sơ, nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải. * Đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 4: - Đăng ký nhận Giấy phép lái xe trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần		

	mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp GPLX: 135.000 đồng/lần.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ.	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Tạm dừng quy trình cho đến khi có kết quả sát hạch	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý (Tiếp tục giải quyết sau khi có kết quả sát hạch).	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B6	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển	Trưởng phòng chuyên	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư

	kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội		01/2018/TT- VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT- BGTVT
B7	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT- BGTVT
B8	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Báo cáo đề xuất
B9	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Báo cáo đề xuất
B10	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyet, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; - Báo cáo đề xuất
B11	Đồng bộ Quyết định công	Chuyên viên -	Trong	Mẫu số 05, Phụ

	nhận trúng tuyển kỳ sát hạch lên Công Dịch vụ Công Quốc gia.	Sở Giao thông vận tải Hà Nội	vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B12	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B13	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B14	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B15	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo hoặc nhân viên Bưu điện (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 4)	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B16	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe. 3. Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn. 4. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. 5. Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh màu 3
cm x 4 cm
chụp không
quá 06
tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:.....hạng.....

do:..... cấp ngày:...../...../.....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước
quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn
chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:....., hạng

do: cấp ngày:../../.....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và cókm lái xe an toàn.

Đề nghị..... cho tôi được dự sát hạch
nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

5. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe (QT-05)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

	7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;	X	
	- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có);	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;		X

	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng: + Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe; + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét cấp lại giấy phép lái xe, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy phép lái xe và trả giấy phép lái xe khi người lái xe đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe; trường hợp không cấp lại giấy phép lái xe thì phải trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp cấp lại Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và trả giấy phép lái xe sau khi người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần.		

	- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1	Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:			
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B6	Trình Trưởng phòng ký Thông báo dự sát hạch lại (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn	2,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B8	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc))	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Cá nhân nộp hồ sơ dự sát hạch lại tại cơ sở đào tạo	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2 kèm theo QLPTNL.07-BM01
B11	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Hồ sơ sát hạch lại

B12	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B13	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B14	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B15	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B16	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B17	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT

B18	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất
B19	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất
B20	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất
B21	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B22	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B23	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B24	Trả kết quả cho công dân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B25	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:			
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).			
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tạm dừng xử lý, chờ có kết quả xác minh Giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.		Chờ kết quả xác minh	
B6	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc (thực hiện trước 2,5 ngày làm việc tính đến ngày hẹn trả kết quả)	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B7	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B8	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B9	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B10	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B11	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
3.7.3	Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên:			
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tạm dừng xử lý, chờ có kết quả xác minh Giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.		Chờ kết quả xác minh	
B6	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	3 ngày làm việc (thực hiện trước 1,5 ngày làm việc tính đến ngày hẹn trả kết quả)	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B7	Trình Trưởng phòng ký Thông báo dự sát hạch lại (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình; QLPTNL.07-BM01

B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; QLPTNL.07-BM01.
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B11	Cá nhân nộp hồ sơ dự sát hạch lại tại cơ sở đào tạo	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2 kèm theo QLPTNL.07-BM01
B12	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Hồ sơ sát hạch lại
B13	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 01 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B14	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B15	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		vận tải Hà Nội		
B16	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B17	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B18	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Phụ lục 16a, Thông tư 12/2017/TT-BGTVT
B19	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất
B20	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất

B21	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; - Báo cáo đề xuất
B22	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian).	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B23	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B24	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B25	Trả kết quả cho cá nhân.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B26	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vì phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

6. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-06)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

	7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tảithành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X	
	- Bản sao giấy phép lái xe và hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).		X
Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định)			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử). - Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		

3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký sổ (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

	phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Sở Giao thông vận tải		
B7	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến một phần (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến và có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến

B2	Thông báo qua hòm thư điện tử tới công dân	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Lịch hẹn trực tuyến hoặc lý do bị từ chối
B3	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Trước lịch hẹn trực tuyến 2 ngày làm việc	Hòm thư điện tử
B4	Nộp hồ sơ trực tiếp theo lịch hẹn trực tuyến tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B5	Tiếp nhận hồ sơ theo lịch hẹn, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn giờ	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,25 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B9	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,25 giờ	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B11	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B12	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.3	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	

B3	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn- Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	
B4	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Tờ trình
B6	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký trên Cổng Dịch vụ công)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT

B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

7. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp (QT-07)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

	7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995:		
	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Hồ sơ gốc (nếu có);	X	
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995:		
	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Bản sao giấy phép lái xe; Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;		X
	- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31/7/2020:		
	+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X	

	+ Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;		X	
	+ Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.	X		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.			
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: GPLX.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV,

				Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT- BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vì phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

*Ghi chú:**(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

8. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp (QT-08)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

	7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;		X
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X	
	- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc))	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	BIỂU MẪU
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vì phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký và ghi rõ họ, tên)**Ghi chú:**(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

9. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp (QT-09)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024. 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

	7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	X	
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;	X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;	X	
	- Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ; bản sao giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.		

	- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe. 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vì phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

*Ghi chú:**(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Ngày tháng năm sinh (date of birth)
Số hộ chiếu (Passport No.).....cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver,s Licence No.):...
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....
Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time
of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of
passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp
chưa có sổ định danh cá nhân (In case there is no personal indentification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached
documents is correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)
(Signature and Full name)

10. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam (QT-10)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
2	Phạm vi: Áp dụng đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 2. Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 6/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng Giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 3. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 4. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 5. Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; 5. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

	6. Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 7. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;	x	
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;	x	
	- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;		x
	- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải: Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội hoặc số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.		

	- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Đối với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần, nộp trực tuyến: 115.000 đồng/lần (áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục IV, Thông tư 01/2021/TT-BGTVT

B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (Dùng cho người nước ngoài). 3. Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence- Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Ngày tháng năm sinh (date of birth)
Số hộ chiếu (Passport No.).....cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver,s Licence No.):...
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):...
Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time
of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Signature and Full name)

11. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu (QT-11)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. - Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước. + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu. + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải	x x	

có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT. + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật. + Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng. * Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; * Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại). - Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.		
---	--	--

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản giấy (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày	

	lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):.....
Ngày cấp.....; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg).....
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Hà Nội xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)(Dán trả số khung)

** chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu ☐

- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 282+283)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn